

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85 /2021/DS-PT

Ngày 01 - 3 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Phong.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 02 và ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm D khai vụ án thụ lý số: 14/2021/TLPT-DS ngày 05/01/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 636/2021/QĐ-PT ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Mai Hoàng Quốc A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 115B, đường AB, thị xã AC, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Mai Hoàng Quốc A: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1974 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22/02/2021).

Địa chỉ: Khu phố 2, Phường 5, thị xã AC, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp AD, xã AE, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đoàn Thị C: Ông Trần Văn D, sinh năm 1959 (có mặt) (là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 01/9/2020).

Địa chỉ: Khu phố AF, thị trấn AG, huyện AH, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đoàn Thị C.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo bản án sơ thẩm, anh Nguyễn Hữu B - đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Mai Hoàng Quốc A trình bày:

Ngày 04/6/2019, bà C có đồng ý chuyển nhượng cho anh A phần đất diện tích là 125,7m<sup>2</sup>, thuộc thửa 46, tọa lạc tại thị trấn AG, huyện AH, tỉnh Tiền Giang với số tiền là 550.000.000 đồng.

Sau hai lần nhận cọc với số tiền là 200.000.000 đồng (lần 1: là 100.000.000 đồng, lần 2: là 100.000.000 đồng, cả hai lần đều có làm biên nhận) thì anh A và bà C hẹn nhau 12/7/2019 sẽ ra làm hợp đồng D chứng và đưa đủ số tiền 350.000.000 đồng còn lại.

Đúng hẹn vào ngày 12/7/2019, bà C có đưa cho anh A toàn bộ giấy tờ để làm thủ tục chuyển nhượng. Anh A liên hệ với Văn phòng D chứng số 2 và được cô Trang là chuyên viên tiếp nhận hồ sơ hẹn lại cuối buổi chiều anh A và bà C sẽ ký. Anh A cũng đã báo cho bà C biết để đến D chứng và tại đây anh A sẽ giao đủ tiền cho bà C.

Đến hơn 14h cùng ngày, cô Trang báo lại cho anh A là tên bà C bị sai ở “dấu hỏi” và “dấu ngã” cần phải điều chỉnh. Lúc này, bà C hẹn 15h sẽ đến Văn phòng D chứng số 2 để điều chỉnh. Anh A ngồi tại Văn phòng D chứng số 2 đợi bà C cho đến khi Văn phòng D chứng nghỉ làm việc nhưng bà C vẫn không tới nên anh A không thể giao cho bà C số tiền còn lại cũng như làm hợp đồng chuyển nhượng. Đến 17h bà C mới trả lời điện thoại là ‘đang chuẩn bị từ Vàm Láng chạy về thị xã AC’ lúc này Phòng D chứng đã nghỉ làm việc. Tối đến bà C báo là bà đã về đến nhà ở xã AE, huyện AA, tỉnh Tiền Giang, bà C không ghé qua Phòng D Chứng cho dù có trễ. Do lo sợ giao dịch không thành, nên tầm hơn 21h ông A chạy đến nhà bà C để giao tiền trước và hẹn bà C sáng mai ra D chứng sau, nhưng bà C dứt khoát không nhận và cho rằng anh A đã vi phạm hợp đồng đặt cọc, qua nhiều lần giải thích nhưng không được.

Sau đó bà C không làm thủ tục chuyển nhượng cho anh A mà chuyển nhượng phần đất trên cho người khác. Bà C đã vi phạm nghĩa vụ, không đến Văn phòng D chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng nên anh A khởi kiện yêu cầu bà C trả lại số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phía anh A thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: anh A yêu cầu bà C trả lại cho anh A số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và phạt cọc theo cách tính tiền lãi từ ngày 06/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng. Trả tiền làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn bà Đoàn Thị C và ông Trần Văn D - đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị C thống nhất trình bày:

Bà C và ông Mai Hoàng Quốc A có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 19, diện tích 125,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại thị

trần AG, huyện AH do UBND huyện AH cấp cho bà đứng tên ngày 04/6/2019. Ngày 04/6/2019 bà và anh A gặp nhau và thỏa thuận chuyển nhượng phần đất trên với giá là 550.000.000 đồng, ngày 04/6/2019 anh A sẽ giao cho bà số tiền cọc là 100.000.000 đồng, ngày 12/6/2019 anh A sẽ tiếp tục giao cho bà 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận ngày 12/7/2019 anh A sẽ giao đủ cho bà số tiền 350.000.000 đồng, bà sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng. Nếu bên chuyển nhượng không thực hiện chuyển nhượng thì chấp nhận trả lại gấp 03 lần số tiền cọc, nếu bên mua không thực hiện đúng thì bị mất tiền cọc.

Ngày 04/6/2019 anh A đã giao cho bà số tiền 100.000.000 đồng, bà đã nhận đủ. Đến ngày 12/6/2019 thì anh A không giao tiền như trong thỏa thuận mà đến ngày 16/6/2019 anh A mới đưa bà số tiền cọc 100.000.000 đồng như thỏa thuận và bà đã nhận đủ. Do lần thứ hai anh A giao tiền không đúng ngày nên khoảng gần 20 ngày nữa đến ngày 12/7/2019 thì bà có điện thoại hỏi anh A có giao tiền đúng ngày được không, anh A trả lời sẽ thực hiện đúng như thỏa thuận giữa hai bên. Đến ngày 12/7/2019, khoảng 13 giờ bà có hẹn anh A tại quán cà phê Cầu Đào (Thị xã AC) để giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A đến Văn phòng D chứng làm hợp đồng chuyển nhượng trước khi nào làm xong thì gọi bà đến ký tên và giao tiền. Khi xảy ra việc dấu “hỏi”, dấu “ngã” thì bà có gọi cho chị Trang Văn phòng D chứng số 2, thị xã AC để cho anh A ký tên trước, bà chỉnh sửa tên của bà sau và chị Trang đồng ý. Bà đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A nhưng đến 17h bà C liên lạc anh A thì anh A trả lời không kịp. Bà C nghe vậy có yêu cầu anh A giao trước 300.000.000 đồng để giao tiền cho bên bà mua đất vì đã hứa nhưng đến khoảng 21h cùng ngày thì anh A cũng không giao tiền và không liên lạc nữa. Đến khoảng 10h cùng ngày anh A có đến nhà bà C nói còn thời gian giao dịch vì chưa hết 12 giờ đêm. Bà C không yêu cầu anh A đưa tiền, anh A cũng không đề nghị hay cầm tiền đưa bà.

Khi thỏa thuận các bên có lập biên nhận do anh A đánh máy. Biên nhận đề ngày “Hôm nay ngày 04/6/2019” có nội dung bà C thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất 46, diện tích 125,7m<sup>2</sup> và nhà gắn liền với đất với số tiền 550.000.000 đồng, mục bên bán “tôi đã đọc và đồng ý” ký tên ghi tên Đoàn Thị C là do bà viết và ký. Bà xác định số tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng theo thỏa thuận chuyển nhượng là số đưa ngày 04/6/2019 và 12/6/2019. Biên nhận hai bên lập không thỏa thuận thời gian ký hợp đồng, giao đất, việc sẽ ký hợp đồng ngày 12/7/2019 chỉ thỏa thuận miệng. Họ tên trong biên nhận anh A cung cấp tên “Đoàn Thị C”, “C” dấu ngã là chính xác vì trước đây giấy chứng minh nhân dân và trong hộ khẩu tên bà dấu hỏi nhưng bà đã làm lại giấy tờ, tên bà là “C” dấu ngã. Tên bà C trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hai bên thỏa thuận chuyển nhượng là “E” dấu hỏi do lúc đó cấp theo giấy tờ cũ. “Đoàn Thị E” và “Đoàn Thị C” đều là tên của bà.

Đối với yêu cầu của anh A yêu cầu bà C trả lại tiền cọc là 200.000.000 đồng và tiền lãi thì bà không đồng ý. Bà cho rằng mình không sai hợp đồng, do ngày đó bà đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh A đi D chứng nhưng đợi

hoài không thấy anh A giao tiền, có ông Huỳnh Văn H, Nguyễn Văn I, Lê Thị Hồng K làm chứng.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Toà án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 47 Luật D chứng năm 2014; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hoàng Quốc A đối với bà Đoàn Thị C.

Buộc bà C phải trả lại cho anh A số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền phạt cọc (tính theo lãi suất) 15.493.000 đồng.

Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

## 2. Về án phí:

Buộc bà C nộp 10.774.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho anh A số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA (Biên lai thu tiền số 0016040 ngày 13/9/2019).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

\* Ngày 22/9/2020, bị đơn bà Đoàn Thị C có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Hoàng Quốc A.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà Đoàn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Anh Nguyễn Hữu B – đại diện theo ủy quyền của anh Mai Hoàng Quốc A không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà C, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị C; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày và thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Ngày 04/6/2019 giữa bà Đoàn Thị C và anh Mai Hoàng Quốc A ký kết Biên nhận, thỏa thuận giao nhận tiền đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng là để đảm bảo việc bà Đoàn Thị C đồng ý chuyển nhượng cho anh Quốc A thửa đất số 46, diện tích 125,7m<sup>2</sup> và nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại thị trấn AG, huyện AH với giá 550.000.000 đồng. Tại thời điểm ký kết giao dịch đặt cọc, anh A và bà C đều tự nguyện, không bị ép buộc, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật; hai bên đã thỏa thuận miệng với nhau vào ngày 12/7/2019, sẽ làm thủ tục D chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao đủ số tiền còn lại 350.000.000 đồng khi làm xong thủ tục D chứng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nếu bên nào sai thì bên chuyển nhượng sẽ bị phạt cọc số tiền gấp ba lần tiền cọc, bên nhận chuyển nhượng bị mất cọc.

Vào ngày 12/7/2019, anh A có đến Phòng D chứng số 2, thị xã AC để thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng do giấy tờ có sự sai sót tên của bà C ở dấu “hỏi” và dấu “ngã”, anh A có nhiều lần gọi zalo đề nghị bà C đến để chỉnh sửa giấy tờ nhưng bà C không đến.

Bà C cho rằng anh A có lỗi vi phạm hợp đồng là không giao đủ số tiền còn lại theo thỏa thuận, có người làm chứng là ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị Hồng K, ông Nguyễn Văn I (Bút lục 72). Ông Huỳnh Văn H, bà Lê Thị Hồng K, ông Nguyễn Văn I xác nhận: nghe qua điện thoại cuộc gọi giữa bà C với anh A về việc anh A không đủ tiền để giao cho bà C số tiền còn lại 350.000.000 đồng (Bút lục 26b, 27, 28).

Tuy nhiên, bà C thừa nhận anh A có gọi zalo nhiều lần cho bà, thừa nhận tên của bà C trong Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu là dấu “hỏi”, còn tên bà C trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là dấu “ngã” tại thời điểm làm thủ tục chuyển nhượng đất tại Phòng D chứng số 2 thị xã AC; cũng thừa nhận chỉ đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ tùy thân của bà C cho một mình anh A đến Phòng D chứng số 2 thị xã AC, trong khi đó bà không cùng với anh A đến Phòng D chứng mà bà có việc bận đi Vàm Láng; bà cho rằng có gọi cho chị

Trang Phòng D chứng số 02 cho anh A ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước, bà C sẽ bổ sung xác nhận sau, chị Trang đồng ý (Bút lục 26); nhưng bà C không có chứng cứ gì để chứng minh.

Hơn nữa, kết quả xác minh của Tòa án tại Phòng D chứng số 02, thị xã AC thể hiện: “... có một người đến gặp chị Trang để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hôm đó không thực hiện được do tên bà Đoàn Thị C không rõ là dấu “hỏi” hay “ngã”, chị yêu cầu xác định lại thì người này ra về đến nay không thấy trở lại...” (Bút lục 43). Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật D chứng năm 2014: “*Người yêu cầu D chứng phải xuất trình đủ giấy tờ cần thiết liên quan đến việc D chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó*”.

Như vậy, do việc sai tên trên giấy tờ của bà C chưa thể lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho anh A, không phải lỗi của anh A, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa được ký kết, nên anh A không giao đủ số tiền còn lại theo như thỏa thuận miệng giữa hai bên là hoàn toàn phù hợp; do đó lỗi không thể giao kết được hợp đồng là của bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C thừa nhận bà có biết trước sai sót tên của bà C ở dấu “hỏi” và dấu “ngã” trong các giấy tờ của bà C do bà đã có thể chấp tại Ngân hàng. Bà C cũng thừa nhận phần đất và nhà mà bà và anh A thỏa thuận chuyển nhượng với nhau thì vào ngày 01/11/2019 bà C đã làm thủ tục chuyển nhượng cho chị Trinh với giá khoảng 700.000.000 đồng, khi đó bà C đã làm thủ tục xác nhận khắc phục sai sót tên của bà C ở dấu “hỏi” và dấu “ngã” trong các giấy tờ của bà C.

Anh A không buộc bà C phạt cọc gấp ba lần số tiền đặt cọc, mà chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định 0.83%/tháng, tính từ ngày 06/12/2019 cho ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2020) là 09 tháng 10 ngày tương đương 15.493.000 đồng, là có lợi cho bà C.

Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, án sơ thẩm đã xử là có căn cứ, cần thiết giữ nguyên.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 47 Luật D chứng năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị quyết số 01/2003/NQ – HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 227/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Toà án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hoàng Quốc A đối với bà Đoàn Thị C.

Buộc bà C phải trả lại cho anh A số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền phạt cọc (tính theo lãi suất) 15.493.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà C nộp 10.774.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh A số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA (Biên lai thu tiền số 0016040 ngày 13/9/2019).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016722 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, xem như đã thực hiện xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,



7, 9, 9a Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện AA;
  - THADS huyện AA;
  - Đăng công B tin điện tử;
  - Các đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2021-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**